| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| Số: 139/2026/QĐST-HNGĐ | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| | *Thanh Hóa, ngày 19 tháng 06 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số: 147/2026/ TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026 về việc : " ***Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*** " giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N sinh năm 1988

CCCD số: 038188005146

Địa chỉ: Số H Ngõ C L, TDP F, phường B, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Lê Đình T sinh năm 1983

CCCD số: 038083012980

Địa chỉ: Số H ngõ C TDP F, phường B, tỉnh Thanh Hóa

- Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điều 212 và 213; khoản 3 điều 144; khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 55; 81;82;83;84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

-Căn cứ khoản 1 điều 6; khoản 7 điều 26 ; điểm a, khoản 5; điểm b khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326 /UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội; mục 1.1 (phần án phí Dân sự ) danh mục về án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2017.

-Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2026.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa**:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N sinh năm 1988

CCCD số: 038188005146

Địa chỉ: Số H Ngõ C L, TDP F, phường B, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Lê Đình T sinh năm 1983

CCCD số: 038083012980

Địa chỉ: Số 8 ngõ 3 TDP 6, phường Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá

**2.Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**- Về hôn nhân**: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lê Đình T.

**- Phần con cái**: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Bảo N1 ( nữ) sinh ngày 17/8/2012. Hai bên thống nhất giao cháu Lê Nguyễn Bảo N1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N là: 3.000.000 đồng ( ba triệu đồng)/ tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2026 đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Lê Đình T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cấm.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con chung và việc đóng góp nuôi con chung.

**-Về tài sản và công nợ** : Các đương không có tài sản chung và không có công nợ chung nên không đề nghị Toà án giải quyết.

**- Về án phí**: Án phí Ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị N phải nộp 75.000đ; anh Lê Đình T phải nộp: 75.000đ. Án phí cấp dưỡng: anh Lê Đình T phải nộp 150.000 đồng. Hai bên thỏa thuận chị Nguyễn Thị N nộp toàn bộ số tiền án phí Ly hôn sơ thẩm của hai người và tiền án phí cấp dưỡng mà anh T phải nộp . Chuyển tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị N đã nộp là 300.000đ ( Ba trăm ngàn đồng) tại phòng thi hành án dân sự khu vực 6-Thanh Hoá theo biên lai thu số 0003516 ngày 7 tháng 5 năm 2026 sang phần án phí Ly hôn sơ thẩm mà hai người phải nộp và phần án phí cấp dưỡng mà anh T phải nộp. Như vậy, các đương sự đã thi hành xong về phần án phí .

**3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

Nơi nhận:
-VKS khu vực 6-TH
-Các đương sự
-Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá
-UBND P Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá
-Lưu hồ sơ

**THẨM PHÁN**

**Tạ Thị Hương**